TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/DS-PT
Ngày: 09-02-2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn
Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phượng
Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H Chúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị H Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc " Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H
Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh T, xã Tân Phú Th, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph
Địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Tân Phú Th, huyện C, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Nguyễn Thị Ch
Địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Tân Phú Th, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.
3.2. Bà Nguyễn Thị H1
Địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Tân Phú Th, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.
3.3. Bà Nguyễn Thị Kh
Địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Tân Phú Th, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.
3.4. Bà Nguyễn Thị Mỹ H2

Địa chỉ: Ấp Thạnh L, xã Tân Phú Th, huyện C, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị T1

Địa chỉ: Ấp Vĩnh H3, xã Vĩnh Nh, huyện Châu Th1, tỉnh An Giang, có mặt.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc S – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng L1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Thị trấn Một Ng, huyện C, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3.7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc V – Giám đốc Sở.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn U– Phó giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ T2, phường 5, thành phố V1, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

4.2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Cha, mẹ của bà là ông Nguyễn Văn M (Ph) chết năm 1973, bà Huỳnh Thị H3 (chết năm 2014). Cha, mẹ của bà có tất cả 06 người con đều còn sống gồm: Nguyễn Thị H (B), Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H1 và bị đơn Nguyễn Văn Ph. Cha, mẹ chết không để lại di chúc và có tạo lập được phần đất diện tích 25.309m^2, trước khi bà H3 chết có nói, quyền sử dụng đất sẽ chia đều cho 06 người con. Tuy nhiên, vào thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông M đã chết nên ông Ph đại diện đứng ra làm thủ tục thừa kế phần đất của cha, mẹ. Ông Ph hứa khi nào có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ph sẽ tách ra chia thừa kế cho các chị em trong gia đình. Ngày 30/12/1991, ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 1076, 1087, 1082, 1083, 1064, tờ bản đồ số 04 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Th1 (cũ) cấp nhưng sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ph không thực hiện việc chia đất cho chị, em. Đối với phần đất tại thửa 1082, diện tích 7.897,8m^2 thì ông Ph đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/3/2020, đất tọa lạc tại Ấp Thạnh L, xã Tân Phú Th, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Do bà H chưa được chia nên bà khởi kiện yêu cầu ông Ph phải chia cho bà diện tích 1.000m^2 đất trong diện tích 7.897,8m^2 thuộc thửa đất 1082. Đối với các thửa đất còn lại bà không yêu cầu. Đồng thời, bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24/3/2020 cho ông Nguyễn Văn Ph đứng tên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà H thay đổi một phần yêu cầu, bà yêu cầu chia theo đo đạc thực tế là 995m^2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có yêu cầu độc lập trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình và

nguồn gốc đất tranh chấp. Lúc sinh thời cha, mẹ của bà có tạo lập được phần đất diện tích 25.309m^2, phần đất do ông Ph đại diện đứng ra quản lý. Quá trình quản lý, ông Ph đã sang bán chỉ còn lại diện tích 7.897,8m^2 đất ruộng do ông Ph đứng tên chủ sử dụng, việc ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết. Nay bà T1 yêu cầu được chia thừa kế diện tích theo đo đạc thực tế 991,8m^2 đất trong diện tích 7.897,8m^2 thuộc thửa đất 1082. Các thửa đất còn lại bà không yêu cầu.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T1 về mối quan hệ gia đình. Còn về nguồn gốc đất là do cha, mẹ ông tạo lập diện tích khoảng 25 công tầm nhỏ, đất này khi mẹ ông còn sống đã tặng cho ông và ông đã đứng tên cách đây đã hơn 40 năm, cụ thể năm nào thì ông không nhớ rõ. Quá trình sử dụng, ông đã sang bán, chuyển nhượng cho nhiều người, đến nay chỉ còn lại nền nhà và phần đất ruộng diện tích 7.897,8m^2.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý cho bà H số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng), vì từ trước đến nay cha, mẹ ông chưa cho đất bà H. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông không đồng ý cho bà H số tiền 30.000.000đồng này nữa, không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông của bà H, đồng ý chịu ½ chi phí đo đạc, thẩm định và trích lục hồ sơ. Còn đối với yêu cầu của bà T1, ông cũng không đồng ý. Vì trước đây cha, mẹ của ông đã cho đất bà T1 rồi và sau đó ông còn đưa thêm cho bà T1 hai lần vàng, một lần 04 chỉ vàng 24k và một lần 08 chỉ vàng 24k, việc đưa vàng không có giấy tờ và không ai chứng kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị H1 thống nhất trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H, bà T1 và ông Ph về mối quan hệ gia đình và về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Bà Ch, bà H1 xác định đã được cha mẹ chia đất nên trong vụ án này bà Ch và bà H1 không yêu cầu chia phần đất tranh chấp diện tích 7.897,8m^2. Đối với yêu cầu của bà H, bà T1 thì bà Ch và bà H1 không có ý kiến gì. Nếu bà H và bà T1 được chia đất thì phần còn lại bà Ch và bà H1 đồng ý để cho ông Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị H1 về mối quan hệ gia đình và về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Khi cha, mẹ bà còn sống đã cho bà Ch, bà H1 mỗi người 1.500m^2 đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các chị em còn lại chưa được cho. Sau khi cha, mẹ bà chết thì ông Ph là người quản lý, sử dụng và ông Ph đã sang bán, chuyển nhượng cho nhiều người. Đối với phần đất diện tích 7.897,8m^2, ông Ph tự làm giấy chủ quyền, bà và các chị em không ai hay biết. Nay bà không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha, mẹ để lại, bà đồng ý chia cho bà H, bà T1 mỗi người 1.000m^2, phần còn lại để cho ông Ph hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H2 (vợ của bị đơn ông Nguyễn Văn Ph) trình bày: Cha, mẹ chồng của bà là ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H3 chết không để lại di chúc. Tài sản cha, mẹ chồng bà tạo lập được khoảng 25 công đất tầm nhỏ, sau đó đã cho chị, em trong gia đình. Việc bà T1 yêu cầu

chia đất, bà không đồng ý vì bà T1 đã được cho đất rồi, sau đó bà T1 đòi bán đất cha, mẹ cho nhưng nếu bán đất cho người ngoài thì đất của vợ chồng bà ở phía trong không có lối ra, vì vậy vợ chồng bà phải cố đất, để lấy vàng đưa cho bà T1 để lấy số đất của bà T1. Đối với yêu cầu chia đất của bà H, thì bà cũng không đồng ý, bà chỉ đồng ý với ý kiến của ông Ph là cho bà H 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng), vì cha mẹ chồng chưa cho đất bà H.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C là ông Trần Hoàng L1 trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129, cấp ngày 30/12/1991 cho ông Nguyễn Văn Ph là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang là ông Lê Văn U trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24/3/2020 cho ông Nguyễn Văn Ph là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ph về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 7.897.7m ^{2} thuộc thửa 53 (số thửa cũ là 1082) tờ bản đồ số 10 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Ph vào ngày 24/3/2020.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Ph vào ngày 24/3/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. (chia thừa kế phần đất thuộc một phần thửa 53 có diện tích theo đo đạc thực tế là 995m^2 cho bà).

Căn cứ kháng cáo: Tại biên bản của UBND xã Tân Phú Th, ông Ph có hứa chia cho bà 1.000m^2 và bà Nguyễn Thị T1 1.000m^2.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà, chia thừa kế diện tích theo đo đạc thực tế 991,8m^2 đất trong diện tích 7.897,8m^2 thuộc thửa đất 1082 nay là thửa 53 cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà H trình bày: Trong các chị, em ai cũng đã được chia phần, còn tôi và bà T1 chưa được chia đất nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Tùy Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C là ông Trần Hoàng L1 trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129, cấp ngày 30/12/1991 cho ông Nguyễn Văn Ph là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang là ông Lê Văn U trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24/3/2020 cho ông Nguyễn Văn Ph là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết theo hướng không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn Ph cư trú tại Ấp Thạnh L, xã Tân Phú Th, huyện C để yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại huyện C và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và xét xử theo quan hệ pháp luật "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" là đúng theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên được Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ ba nhưng vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H2 được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về thời hiệu khởi kiện: Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần tài sản của ông Nguyễn Văn M trong khối tài sản chung với bà Huỳnh Thị H3 (cha, mẹ của nguyên đơn và bị đơn...) theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 vì cho rằng ông M chết năm 1973 đến khi bà H khởi kiện năm 2020 là 47 năm nên đã hết thời hiệu là chưa đúng. Theo hồ sơ thể hiện, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Mặt khác, nếu có yêu cầu áp dụng thời hiệu thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990 không phải xác định từ thời điểm ông M chết năm 1973, theo giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao "Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990". Trong vụ án này, không có đương sự nào đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 149 bộ luật dân sự 2015 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4.2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính số 04-2020 (gọi tắc là lược đồ) của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu, thể hiện phần đất tranh chấp tổng diện tích 8.213,2m^2. Nguyên đơn Nguyễn Thị H, bị đơn Nguyễn Văn Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Kim Kh, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Mỹ H2 (vợ ông Phúc) đều thừa nhận là của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị H3 chết để lại.

[4.3] Quá trình sử dụng đất: Xét thấy, lúc sinh thời vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Huỳnh Thị H3 có tạo lập phần đất tổng diện tích 25.309m^2. Năm 1973, ông M chết không để lại di chúc, đến ngày 10/12/1991 bị đơn ông Nguyễn Văn Ph kê khai đăng ký phần đất nêu trên (bút lục 73) và ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129, cấp ngày 30/12/1991 diện tích 25.309m^2 (bút lục 88). Năm 2014, bà Huỳnh Thị H3 chết cũng không để lại di chúc.

Quá trình sử dụng ông Ph đã chuyển nhượng cho nhiều người và tặng cho chị của ông Ph là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Ch phần đất thuộc thửa đất số 74, theo đó cho bà H1 diện tích 1.393m^2, cho bà Ch diện tích 1.258,4m^2 nên thửa 74 còn lại diện tích 574m^2 (thửa mới thửa 495) và 7.897,8m^2 thuộc thửa 53 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24/3/2020 cho ông Nguyễn Văn Ph đứng tên.

[4.4] Về xác định hàng thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị H3 có tất cả 06 người con gồm Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Kim Kh, Nguyễn Thị H1 là có căn cứ.

[4.5] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1 yêu cầu được chia một phần trong phần diện tích 7.897,8m^2 theo đo

đạc thực tế 8.213,2m^2 thuộc thửa đất số 53, vì cho rằng trước đây cha, mẹ có cho đất nhưng hai bà chưa nhận và để ông Ph đại diện đứng tên, sau này ông Ph có trách nhiệm chia lại cho các bà. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.5.1] Ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị H3 chung sống với nhau từ trước năm 1952 và khi còn sống đã tạo lập được khối tài sản chung là phần đất có diện tích khoảng 25.309m^2. Ông M và bà H3 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1973, ông Nguyễn Văn M chết, không để lại di chúc. Thời điểm này, phát sinh thừa kế đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn M nhưng không có ai có yêu cầu chia.

[4.5.2] Đến năm 1991, ông Nguyễn Văn Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129 do UBND huyện Châu Th1 (nay là UBND huyện C) cấp ngày 30/12/1991 trên cơ sở kê khai nguồn gốc đất là do ông bà để lại đối với phần đất 25.309m^2. Theo bà H trình bày, sau khi ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 06 tháng sau thì bà và mẹ là bà Huỳnh Thị H3 biết được và có phản đối nhưng ông Ph làm quá nên không có cự cãi nữa, không có làm đơn khiếu nại hay thưa kiện gì. Điều này, thể hiện bà Huỳnh Thị H3 đến khi chết năm 2014 và những người con còn lại đều không có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Ph vào năm 1991, chứng tỏ bà thống nhất tặng cho ông Ph phần đất của bà và phần đất bà được hưởng của ông M như ông Ph trình bày. Mặt khác, Ông Nguyễn Văn Ph ở chung với cha, mẹ từ nhỏ, sau khi được cấp giấy thì tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định và liên tục đến khi tranh chấp năm 2020 là hơn 29 năm. Ngoài ra, Theo công văn số 112/UBND ngày 04/02/2021 của UBND huyện C xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph năm 1991 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Từ đó cho thấy, bà Huỳnh Thị H3 và các con là chị của ông Ph gồm bà T1, bà Kh, bà Ch, bà H1, bà H đều thống nhất việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph vào năm 1991 đối với phần đất do ông M và bà H3 tạo lập. Do vậy, phần tài sản của ông M, bà H3 từ thời điểm năm 1991 cho đến khi bà H3 chết năm 2014 đã không còn là di sản thừa kế của ông M và bà H3 mà xác lập quyền sở hữu vào năm 1991 cho ông Nguyễn Văn Ph. Bà H trình bày bà được mẹ là bà H3 cho 02 công đất trước khi bà có chồng, sau đó bà giao lại cho em là ông Ph canh tác. Tuy nhiên, việc tặng cho đất này không được lập thành văn bản, việc bà giao đất lại cho ông Ph canh tác cũng không dược lập thành văn bản. Thực tế, bà cũng không trực tiếp canh tác, sử dụng phần đất này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phần đất tranh chấp không còn là di sản thừa kế của ông M, bà H3, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà H, bà T1 là có căn cứ.

[4.5.3] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi số CS02652 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp đổi cho ông Nguyễn Văn Ph: Theo công văn số 3771/STNMT-TT ngày 31/12/2020 của Sở tài nguyên thì trình tự, thủ tục cấp đổi là đúng quy định. Việc cấp đổi trên cơ sở ông Nguyễn Văn Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991 hợp pháp, không ai khiếu

nại đối với việc Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991 cho ông Ph. Ngoài ra, phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sự dụng đất được cấp đổi thì đã không còn là di sản của ông M và bà H3 mà thuộc quyền sở hữu của ông Ph. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Ph vào ngày 24/3/2020 là có cơ sở.

[4.6] Từ những căn cứ phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T1. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4.7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 phải chịu theo quy định. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 348 Luật tố tụng hành chính;

Điều 459, Điều 612, Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 166, Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T1

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ph về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 7.897.7m ^{2} thuộc thửa 53 (số thửa cũ là 1082) tờ bản đồ số 10 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Ph vào ngày 24/3/2020.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Ph vào ngày 24/3/2020.

2. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hành chính sơ thẩm do bà H thuộc diện người cao tuổi và có đơn nên được miễn theo quy định.

Bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 0005712 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Chi phí tố tụng (đo đạc, thẩm định, định giá, trích lục hồ sơ): Tổng số tiền là 5.000.000 đồng (bà H đã nộp tạm ứng xong).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Ph về việc chịu ½ chi phí tố tụng. Do vậy, ông Ph phải nộp số tiền 2.500.000 đồng để giao trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

Bà H, bà T1 mỗi người chịu 1.250.000đồng. Bà H đã nộp xong, Bà T1 phải nộp số tiền 1.250.000 đồng đề giao trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải chịu 300.000đồng nhưng được miễn theo quy định.

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008916 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hánh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09 tháng 02 năm 2022.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh – Võ Thị Phượng **Dương Quốc Tuấn**